

Số: /TB-UBND

Nam Thanh Miện, ngày tháng năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc công khai Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ

Căn cứ Quyết định số 2205/QĐ-UBND ngày 11/6/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ;

Thực hiện quy định về công khai thủ tục hành chính theo Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Nam Thanh Miện thông báo công khai Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ như sau:

I. NỘI DUNG CÔNG KHAI

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

Công khai 16 thủ tục hành chính mới ban hành thuộc các lĩnh vực:

- Tiêu chuẩn đo lường chất lượng;
- An toàn bức xạ và hạt nhân;
- Công nghiệp công nghệ số;
- Công nghệ thông tin, điện tử.

Nội dung cụ thể của các thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 2669/QĐ-BKHHCN ngày 04/6/2026, Quyết định số 2636/QĐ-BKHHCN ngày 02/6/2026 và Quyết định số 2645/QĐ-BKHHCN ngày 02/6/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

(Danh mục chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

Công khai 17 thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ.

(Danh mục chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

II. HÌNH THỨC CÔNG KHAI

1. Niêm yết công khai tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Nam Thanh Miện.

2. Đăng tải trên Trang thông tin điện tử xã Nam Thanh Miện (nếu có).

3. Công khai trên các bảng niêm yết thủ tục hành chính tại trụ sở UBND xã và Trung tâm Phục vụ hành chính công xã.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trung tâm Phục vụ hành chính công xã có trách nhiệm:

- Thực hiện niêm yết đầy đủ, kịp thời Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ theo Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố;

- Hướng dẫn tổ chức, cá nhân tra cứu, thực hiện thủ tục hành chính theo quy định;

- Kịp thời cập nhật khi có thay đổi, điều chỉnh hoặc thay thế thủ tục hành chính.

2. Phòng Văn hóa - Xã hội xã:

- Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện công khai thủ tục hành chính;

- Phối hợp cập nhật thông tin trên các phương tiện thông tin, tuyên truyền của xã.

3. Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã; các thôn trên địa bàn xã có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến để tổ chức, cá nhân biết và thực hiện.

Chủ tịch UBND xã Nam Thanh Miện thông báo để các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Trung tâm Phục vụ HCC;
- Công Thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT, VHXX.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Vũ Văn Nguyễn

PHỤ LỤC I

NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC NIÊM YẾT

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày tháng năm 2026
của UBND xã Nam Thanh Miện)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH A1. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

1. Công bố năng lực của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 1, chuẩn đo lường không dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2

- **Trình tự thực hiện:** Tổ chức lập hồ sơ công bố năng lực gửi cơ quan có thẩm quyền; cơ quan tiếp nhận, kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ; thẩm định hồ sơ; ban hành văn bản ghi nhận công bố năng lực.

- **Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:** Theo quy định tại Thông tư số 22/2026/TT-BKHHCN và các văn bản có liên quan.

- **Thời hạn giải quyết:**

+ Theo quy định: 03 ngày làm việc.

+ Sau cắt giảm: 01,5 ngày làm việc.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 1, chuẩn đo lường không dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Khoa học và Công nghệ.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản ghi nhận công bố năng lực.

- **Lệ phí (nếu có):** Không quy định.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):** Theo quy định tại Thông tư số 22/2026/TT-BKHHCN.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Đáp ứng các điều kiện về năng lực theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

2. Điều chỉnh nội dung của bản công bố năng lực của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 1, chuẩn đo lường không dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2

- **Trình tự thực hiện:** Tổ chức nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh; cơ quan có thẩm quyền xem xét, thẩm định và thực hiện điều chỉnh nội dung công bố năng lực.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:** Theo quy định hiện hành.
- **Thời hạn giải quyết:**
 - + Theo quy định: 03 ngày làm việc.
 - + Sau cắt giảm: 01,5 ngày làm việc.
- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức đã được ghi nhận công bố năng lực.
- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Khoa học và Công nghệ.
- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản điều chỉnh nội dung công bố năng lực.
- **Lệ phí (nếu có):** Không quy định.
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):** Theo quy định hiện hành.
- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Có nội dung thay đổi cần điều chỉnh và đáp ứng điều kiện theo quy định.
- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ.

3. Hủy bỏ bản công bố năng lực đã được ghi nhận của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 1, chuẩn đo lường không dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2

- **Trình tự thực hiện:** Tổ chức gửi đề nghị hoặc cơ quan có thẩm quyền xem xét các trường hợp hủy bỏ; thẩm định và ban hành quyết định hủy bỏ.
- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.
- **Thành phần, số lượng hồ sơ:** Theo quy định hiện hành.
- **Thời hạn giải quyết:** Theo quy định: 03 ngày làm việc.
- Sau cắt giảm: 01,5 ngày làm việc.
- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức đã được ghi nhận công bố năng lực.
- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Khoa học và Công nghệ.
- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản hủy bỏ công bố năng lực.
- **Lệ phí (nếu có):** Không quy định.
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):** Theo quy định hiện hành.
- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Thuộc trường hợp hủy bỏ theo quy định của pháp luật.
- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ.

4. Công bố năng lực tư vấn đối với tổ chức tư vấn

- **Trình tự thực hiện:** Tổ chức lập hồ sơ công bố năng lực tư vấn; nộp hồ sơ; cơ quan có thẩm quyền thẩm định và ghi nhận công bố năng lực.
- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:** Theo Thông tư số 26/2014/TT-BKHHCN và Thông tư số 22/2026/TT-BKHHCN.

- **Thời hạn giải quyết:**

+ Theo quy định: 05 ngày làm việc.

+ Sau cắt giảm: 02,5 ngày làm việc.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tư vấn.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Khoa học và Công nghệ.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản ghi nhận công bố năng lực tư vấn.

- **Lệ phí (nếu có):** Không quy định.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):** Theo quy định tại Thông tư số 22/2026/TT-BKHHCN.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Đáp ứng điều kiện về năng lực tư vấn theo quy định.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg; Thông tư số 26/2014/TT-BKHHCN; Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP; Thông tư số 22/2026/TT-BKHHCN.

5. Công bố năng lực tư vấn đối với chuyên gia tư vấn độc lập

- **Trình tự thực hiện:** Chuyên gia tư vấn độc lập lập hồ sơ công bố năng lực, gửi cơ quan có thẩm quyền; cơ quan tiếp nhận, xem xét hồ sơ và thực hiện ghi nhận công bố năng lực theo quy định.

- **Cách thức thực hiện** Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:** Theo quy định tại Thông tư số 26/2014/TT-BKHHCN và Thông tư số 22/2026/TT-BKHHCN.

- **Thời hạn giải quyết:**

+ Theo quy định: 05 ngày làm việc.

+ Sau cắt giảm: 02,5 ngày làm việc.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chuyên gia tư vấn độc lập.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Khoa học và Công nghệ.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản ghi nhận công bố năng lực tư vấn.

- **Lệ phí (nếu có):** Không quy định.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):** Theo quy định hiện hành.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Đáp ứng điều kiện về năng lực chuyên môn theo quy định.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg; Thông tư số 26/2014/TT-BKHHCN; Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP; Thông tư số 22/2026/TT-BKHHCN.

6. Công bố năng lực đánh giá đối với tổ chức chứng nhận

- **Trình tự thực hiện:** Tổ chức chứng nhận lập hồ sơ công bố năng lực; nộp hồ sơ; cơ quan có thẩm quyền thẩm định và ghi nhận công bố năng lực.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:** Theo quy định hiện hành.

- **Thời hạn giải quyết:**

+ Theo quy định: 05 ngày làm việc.

+ Sau cắt giảm: 02,5 ngày làm việc.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức chứng nhận.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Khoa học và Công nghệ.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản ghi nhận công bố năng lực đánh giá.

- **Lệ phí (nếu có):** Không quy định.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):** Theo quy định hiện hành.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Đáp ứng điều kiện hoạt động đánh giá, chứng nhận theo quy định.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg; Thông tư số 26/2014/TT-BKHHCN; Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP; Thông tư số 22/2026/TT-BKHHCN.

7. Điều chỉnh Bản công bố năng lực tư vấn, đánh giá

- **Trình tự thực hiện:** Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh; cơ quan có thẩm quyền xem xét, thẩm định và thực hiện điều chỉnh nội dung công bố năng lực.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:** Theo quy định hiện hành.

- **Thời hạn giải quyết:**

+ Theo quy định: 03 ngày làm việc.

+ Sau cắt giảm: 01,5 ngày làm việc.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tư vấn, tổ chức chứng nhận, chuyên gia tư vấn độc lập đã được công bố năng lực.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Khoa học và Công nghệ.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản xác nhận điều chỉnh nội dung công bố năng lực.

- **Lệ phí (nếu có):** Không quy định.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):** Theo quy định hiện hành.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Có nội dung thay đổi cần điều chỉnh.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg; Thông tư số 26/2014/TT-BKHHCN; Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP; Thông tư số 22/2026/TT-BKHHCN.

8. Công bố năng lực đào tạo

- **Trình tự thực hiện:** Tổ chức đào tạo lập hồ sơ công bố năng lực; nộp hồ sơ; cơ quan có thẩm quyền thẩm định và ghi nhận công bố năng lực đào tạo.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:** Theo quy định hiện hành.

- **Thời hạn giải quyết:**

+ Theo quy định: 05 ngày làm việc.

+ Sau cắt giảm: 02,5 ngày làm việc.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức đào tạo.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Khoa học và Công nghệ.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản ghi nhận công bố năng lực đào tạo.

- **Lệ phí (nếu có):** Không quy định.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):** Theo quy định hiện hành.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực và chương trình đào tạo theo quy định.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg; Thông tư số 26/2014/TT-BKHHCN; Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP; Thông tư số 22/2026/TT-BKHHCN.

9. Điều chỉnh Bản công bố năng lực đào tạo

- **Trình tự thực hiện:** Tổ chức đã được ghi nhận công bố năng lực đào tạo lập hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung công bố năng lực; nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền; cơ quan tiếp nhận, xem xét, thẩm định và thực hiện điều chỉnh nội dung công bố năng lực theo quy định.

- **Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:** Theo quy định tại Thông tư số 26/2014/TT-BKHHCN và Thông tư số 22/2026/TT-BKHHCN.

- **Thời hạn giải quyết:**

+ Theo quy định: 03 ngày làm việc.

+ Sau cắt giảm: 01,5 ngày làm việc.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức đã được công bố năng lực đào tạo.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Khoa học và Công nghệ.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản xác nhận điều chỉnh nội dung công bố năng lực đào tạo.

- **Lệ phí (nếu có):** Không quy định.
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):** Theo quy định hiện hành.
- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Có nội dung thay đổi cần điều chỉnh và đáp ứng các điều kiện theo quy định.
- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg; Thông tư số 26/2014/TT-BKHHCN; Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP; Thông tư số 22/2026/TT-BKHHCN.

II. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ

10. Đề nghị thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên)

- **Trình tự thực hiện:** Tổ chức, doanh nghiệp lập hồ sơ đề nghị thử nghiệm có kiểm soát; nộp hồ sơ; cơ quan có thẩm quyền thẩm định hồ sơ, đánh giá phương án thử nghiệm và quyết định cho phép thử nghiệm.
- **Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.
- **Thành phần, số lượng hồ sơ:** Theo quy định của Luật Công nghiệp công nghệ số và Nghị định số 353/2025/NĐ-CP.
- **Thời hạn giải quyết:**
 - + Theo quy định: 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
 - + Sau cắt giảm: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.
- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Khoa học và Công nghệ.
- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận thử nghiệm có kiểm soát.
- **Lệ phí (nếu có):** Không quy định.
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):** Theo Nghị định số 353/2025/NĐ-CP.
- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Đáp ứng điều kiện thử nghiệm có kiểm soát theo quy định của pháp luật.
- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15; Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15; Nghị định số 353/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP.

11. Đề nghị gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên)

- **Trình tự thực hiện:** Tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị gia hạn trước khi kết thúc thời gian thử nghiệm; cơ quan có thẩm quyền xem xét, thẩm định và quyết định gia hạn.
- **Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:** Theo quy định hiện hành.
- **Thời hạn giải quyết:** 11 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, doanh nghiệp đang thực hiện thử nghiệm có kiểm soát.
- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Khoa học và Công nghệ.
- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định gia hạn thử nghiệm có kiểm soát.
- **Lệ phí (nếu có):** Không quy định.
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):** Theo quy định hiện hành.
- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Thử nghiệm đang còn hiệu lực và đáp ứng điều kiện gia hạn.
- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15; Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15; Nghị định số 353/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP.

12. Đề nghị kết thúc thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên)

- **Trình tự thực hiện:** Tổ chức, doanh nghiệp gửi hồ sơ đề nghị kết thúc thử nghiệm; cơ quan có thẩm quyền xem xét, đánh giá kết quả thử nghiệm và ban hành quyết định kết thúc.
- **Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.
- **Thành phần, số lượng hồ sơ:** Theo quy định hiện hành.
- **Thời hạn giải quyết:** 11 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, doanh nghiệp thực hiện thử nghiệm có kiểm soát.
- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Khoa học và Công nghệ.
- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận kết thúc thử nghiệm.
- **Lệ phí (nếu có):** Không quy định.
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):** Theo quy định hiện hành.
- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Đã hoàn thành nội dung thử nghiệm theo phương án được phê duyệt.
- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15; Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15; Nghị định số 353/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP.

13. Đề nghị điều chỉnh thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên)

- **Trình tự thực hiện:** Tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung thử nghiệm; cơ quan có thẩm quyền xem xét và quyết định điều chỉnh.
- **Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.
- **Thành phần, số lượng hồ sơ:** Theo quy định hiện hành.
- **Thời hạn giải quyết:** 11 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, doanh nghiệp được phép thử nghiệm có kiểm soát.
- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Khoa học và Công nghệ.
- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận điều chỉnh thử nghiệm.
- **Lệ phí (nếu có):** Không quy định.
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):** Theo quy định hiện hành.
- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Có nhu cầu điều chỉnh và đáp ứng điều kiện theo quy định.
- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15; Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15; Nghị định số 353/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP.

III. LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, ĐIỆN TỬ

14. Cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu

- **Trình tự thực hiện:** Thương nhân lập hồ sơ đề nghị; nộp hồ sơ; cơ quan có thẩm quyền xem xét, thẩm định và cấp văn bản chấp thuận.
- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.
- **Thành phần, số lượng hồ sơ:** Theo Thông tư số 26/2025/TT-BKHHCN.
- **Thời hạn giải quyết:** 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Thương nhân có nhu cầu nhập khẩu hàng hóa thuộc diện quản lý.
- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Khoa học và Công nghệ.
- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản cho phép nhập khẩu.
- **Lệ phí (nếu có):** Không quy định.
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):** Theo Thông tư số 26/2025/TT-BKHHCN.
- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Đáp ứng điều kiện nhập khẩu theo quy định pháp luật.
- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Luật Quản lý ngoại thương; Nghị định số 69/2018/NĐ-CP; Nghị định số 146/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP; Thông tư số 26/2025/TT-BKHHCN.

15. Cho phép thương nhân thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài

- **Trình tự thực hiện:** Thương nhân lập hồ sơ đề nghị; nộp hồ sơ; cơ quan có thẩm quyền xem xét, thẩm định và cấp giấy phép.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:** Theo Thông tư số 26/2025/TT-BKHHCN.

- **Thời hạn giải quyết:** 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Thương nhân thực hiện hoạt động gia công hàng hóa.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Khoa học và Công nghệ.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép thực hiện hoạt động gia công.

- **Lệ phí (nếu có):** Không quy định.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):** Theo Thông tư số 26/2025/TT-BKHHCN.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Đáp ứng điều kiện gia công theo quy định của pháp luật.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Luật Quản lý ngoại thương; Nghị định số 69/2018/NĐ-CP; Nghị định số 146/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP; Thông tư số 26/2025/TT-BKHHCN.

16. Bổ sung, sửa đổi Giấy phép; cấp lại do mất, thất lạc Giấy phép cho phép thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài

- **Trình tự thực hiện:** Thương nhân lập hồ sơ đề nghị bổ sung, sửa đổi hoặc cấp lại giấy phép; nộp hồ sơ; cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:** Theo Thông tư số 26/2025/TT-BKHHCN.

- **Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Thương nhân đã được cấp giấy phép.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Khoa học và Công nghệ.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép được sửa đổi, bổ sung hoặc cấp lại.

- **Lệ phí (nếu có):** Không quy định.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):** Theo Thông tư số 26/2025/TT-BKHHCN.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Thuộc trường hợp được sửa đổi, bổ sung hoặc cấp lại giấy phép theo quy định.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Luật Quản lý ngoại thương; Nghị định số 69/2018/NĐ-CP; Nghị định số 146/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP; Thông tư số 26/2025/TT-BKHCHN.

PHỤ LỤC II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Kèm theo Thông báo số/TB-UBND ngày/...../2026 của UBND xã Nam Thanh Miện)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính bị bãi bỏ	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định việc bãi bỏ TTHC	Cơ quan thực hiện
I	LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG			
1	3.000.450	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ	UBND cấp tỉnh
2	3.000.463	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ	UBND cấp tỉnh
3	3.000.452	Thủ tục chấm dứt hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký khi nhận được đề nghị chấm dứt của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ	UBND cấp tỉnh
4	3.000.475	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn	Thông tư số 22/2026/TT-BKHCN ngày 20/5/2026	UBND cấp tỉnh
5	3.000.476	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn	Thông tư số 22/2026/TT-BKHCN ngày 20/5/2026	UBND cấp tỉnh
6	3.000.477	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho chuyên gia tư vấn độc lập	Thông tư số 22/2026/TT-BKHCN ngày 20/5/2026	UBND cấp tỉnh

7	3.000.478	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho chuyên gia tư vấn độc lập	Thông tư số 22/2026/TT-BKHCN ngày 20/5/2026	UBND cấp tỉnh
8	3.000.479	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức chứng nhận	Thông tư số 22/2026/TT-BKHCN ngày 20/5/2026	UBND cấp tỉnh (Sở KH&CN)
9	3.000.480	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức chứng nhận	Thông tư số 22/2026/TT-BKHCN ngày 20/5/2026	UBND cấp tỉnh (Sở KH&CN)
10	3.000.481	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn, chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức chứng nhận và thẻ cho chuyên gia trong trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ liên lạc	Thông tư số 22/2026/TT-BKHCN ngày 20/5/2026	UBND cấp tỉnh (Sở KH&CN)
11	3.000.482	Thủ tục cấp bổ sung thẻ chuyên gia tư vấn, thẻ chuyên gia đánh giá cho tổ chức tư vấn, tổ chức chứng nhận	Thông tư số 22/2026/TT-BKHCN ngày 20/5/2026	UBND cấp tỉnh
12	3.000.483	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước	Thông tư số 22/2026/TT-BKHCN ngày 20/5/2026	UBND cấp tỉnh
13	3.000.484	Thủ tục đăng ký cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước	Thông tư số 22/2026/TT-BKHCN ngày 20/5/2026	UBND cấp tỉnh

14	3.000.485	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá trong trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ liên lạc	Thông tư số 22/2026/TT-BKHCN ngày 20/5/2026	UBND cấp tỉnh
15	3.000.487	Thủ tục cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố bổ sung, điều chỉnh phạm vi đào tạo	Thông tư số 22/2026/TT-BKHCN ngày 20/5/2026	UBND cấp tỉnh
16	3.000.486	Thủ tục cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố đủ năng lực thực hiện hoạt động đào tạo	Thông tư số 22/2026/TT-BKHCN ngày 20/5/2026	UBND cấp tỉnh
II	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ			
17	2.001.179	Thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ (Phụ lục II, phần Đ, Mục X)	UBND cấp tỉnh